

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II KHỐI 12 NĂM HỌC 2020-2021

MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 12 CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

A. KIẾN THỨC ÔN TẬP

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

I.1. Kiến thức chung

1. Phong cách ngôn ngữ

- **Phong cách ngôn ngữ hành chính**, ngoài ra củng cố thêm các PCNT như: Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt; Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật; Phong cách ngôn ngữ báo chí; Phong cách ngôn ngữ chính luận; Phong cách ngôn ngữ khoa học.

2. Hệ thống kiến thức về phương thức biểu đạt

- Phương thức biểu đạt tự sự
- Phương thức biểu đạt miêu tả
- Phương thức biểu đạt biểu cảm
- Phương thức biểu đạt thuyết minh
- Phương thức biểu đạt nghị luận
- Phương thức biểu đạt hành chính – công vụ

3. Hệ thống kiến thức về các biện pháp tu từ

3.1. Biện pháp tu từ từ vựng

- **So sánh:** Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc
- **Ẩn dụ:** Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.
- **Nhân hóa:** Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn gần với con người
- **Hoán dụ:** Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc
- **Điệp từ/ngữ/cấu trúc:** Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm, tạo âm hưởng nhịp điệu cho câu văn, câu thơ.
- **Nói giảm:** Làm giảm nhẹ đi ý muốn nói (đau thương, mất mát) nhằm thể hiện sự trân trọng

- **Thậm xưng:** Tô đậm, phóng đại về đối tượng.

- **Câu hỏi tu từ:** Bộc lộ, xoáy sâu cảm xúc (có thể là những băn khoăn, ý khẳng định...)

- **Đối:** Tạo sự cân đối, đăng đối hài hòa cho sự diễn đạt, nhằm thể hiện ý nghĩa nào đó.

- **Đảo ngữ:** Nhấn mạnh, gây ấn tượng sâu đậm về phần được đảo lên.

3.2. Biện pháp tu từ cú pháp

- **Phép lặp cú pháp:** Lặp cú pháp là tạo ra những câu hoặc những đoạn câu có chung một kiểu cấu tạo cú pháp, làm cho câu văn có tính chất cân đối, với dụng ý tác động về nhận thức hoặc về tình cảm.

- **Phép liệt kê:** Liệt kê là cách sắp xếp nối tiếp những đơn vị cú pháp đồng loại (nhưng khác nhau về từ ngữ) nhằm tạo ra những ý nghĩa bổ sung về mặt nhận thức hoặc thể hiện cách đánh giá, cảm xúc chủ quan về các sự vật được đưa ra.

- **Phép chêm xen:** Chêm xen là cách đưa thêm từ ngữ (có khi là một tổ hợp từ có dạng một câu trọn vẹn) vào câu, nhưng không thiết lập quan hệ ngữ pháp với phần câu chứa chúng, nhằm chi tiết hóa sự việc, làm cho lời văn linh hoạt, nêu nhận xét của người thuật chuyện, bổ sung

những tin mang những mục đích rất khác nhau.

4. Hệ thống kiến thức về các phép liên kết

- **Phép nối**-> Tác dụng: Liên kết câu, tạo nên quan hệ ngữ nghĩa giữa các câu: quan hệ bổ sung, tương phản, nguyên nhân – hệ quả, thời gian.
- **Phép thế**-> Tác dụng: Liên kết câu, tránh lặp từ ngữ.
- **Phép tỉnh lược**->Tác dụng: Liên kết câu, tránh lặp từ.
- **Phép lặp từ vựng**->Tác dụng: Liên kết câu, nhấn mạnh ý.
- Phép liên tưởng->Tác dụng: Liên kết các câu cùng hướng về chủ đề chính của văn bản, bộc lộ rõ nội dung.

5. Hệ thống kiến thức về các kiểu câu, thành phần câu

5.1. Các thành phần của câu.

a. Các thành phần chính của câu.

- **Chủ ngữ** : Là thành phần chính của câu. Chủ ngữ thường là danh từ, đại từ, hoặc cụm danh từ. Đôi khi cả tính từ, cụm tính từ, động từ, cụm động từ cũng có khả năng làm chủ ngữ.
- **Vị ngữ** là thành phần chính của câu. Vị ngữ thường là động từ hoặc cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ, danh từ hoặc cụm danh từ.

b. Các thành phần phụ trong câu

- **Trạng ngữ**: Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, bổ sung cho nòng cốt câu, tức là bổ nghĩa cho cả cụm chủ vị trung tâm. Trạng ngữ thường là những từ chỉ thời gian, địa điểm nơi chốn, mục đích, phương tiện, cách thức... để biểu thị các ý nghĩa tình huống: thời gian, địa điểm, nguyên nhân, mục đích, kết quả, phương tiện. Trạng ngữ có thể là một từ, một ngữ hoặc một cụm chủ vị.
- **Định ngữ**: Định ngữ là thành phần phụ trong câu tiếng Việt. Nó giữ nhiệm vụ bổ nghĩa cho danh từ (cụm danh từ). Nó có thể là một từ, một ngữ hoặc một cụm C-V.
- **Bổ ngữ**: Bổ ngữ là thành phần phụ đứng trước hoặc sau động từ hoặc tính từ để bổ nghĩa cho động từ hay tính từ đó và góp phần tạo thành Cụm động từ hay Cụm tính từ.
- **Khởi ngữ**: Khởi ngữ là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu. Vị trí: đứng trước chủ ngữ (**đứng đầu câu**) hoặc đứng sau chủ ngữ, trước vị ngữ (**đứng giữa câu**). Chức năng: nêu lên đề tài trong câu với ý nhấn mạnh.

c. Các thành phần biệt lập trong câu.

- **Thành phần tình thái**: Thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.
- **Thành phần cảm thán**: Bộc lộ tâm lý của người nói (vui, buồn, mừng, giận...).
- **Thành phần gọi đáp**: Dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.
- **Thành phần phụ chú**: Dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu. Vị trí giữa hoặc cuối câu.

5.2. Các kiểu câu

a. Theo cấu trúc ngữ pháp

HavaMATH

- **Câu đơn:** Là câu chỉ có một vế câu (1 cụm C-V)

- **Câu rút gọn/ tỉnh lược:** Khi trò chuyện trực tiếp có những câu lược bỏ bộ phận chính mà người nghe vẫn hiểu đúng ý.

- **Câu đặc biệt:** Những câu diễn đạt ý trọn vẹn chỉ do một từ ngữ tạo thành mà không xác định được đó là chủ ngữ hay vị ngữ thì gọi là câu đặc biệt

- **Câu ghép:** Là câu có từ 2 vế trở lên, mỗi vế câu thường có cấu tạo giống câu đơn (có đủ cụm Chủ – Vị)

+ **Câu ghép đẳng lập:** các vế độc lập không phụ thuộc vào nhau về mặt ý nghĩa, giữa các vế câu có từ chỉ quan hệ hoặc dấu phẩy, dấu hai chấm, ...

+ **Câu ghép chính phụ:** chỉ có hai vế câu. Vế chính và vế phụ có quan hệ phụ thuộc lẫn nhau về ý nghĩa và gắn với nhau bằng cặp từ chỉ quan hệ.

- **Câu ph c:** là câu có từ hai kết cấu c-v trở lên, trong đó có một kết cấu c-v làm nòng cốt, các kết cấu c-v còn lại bị bao hàm trong kết cấu c-v làm nòng cốt đó.

b. Theo mục đích phát ngôn

- **Câu trần thuật** (hay còn gọi là **câu kể**), dùng để kể, tả, nhận định, giới thiệu một sự vật, sự việc.

- **Câu nghi vấn** (hay còn gọi là **câu hỏi**), chủ yếu dùng để hỏi (hỏi người và hỏi chính mình). Đôi khi, dùng vào mục đích khác (cảm thán/ cầu khiến).

- **Câu cầu khiến:** dùng để: cầu khiến (ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo), khẳng định hoặc phủ định, bộc lộ tình cảm, cảm xúc. Khi viết thường kết thúc bằng **dấu chấm than (!)**, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng **dấu chấm (.)**.

- **Câu cảm thán:** Dùng để bộc lộ cảm xúc trực tiếp của người nói (người viết). Có những từ ngữ cảm thán. Cuối câu thường kết thúc bằng dấu chấm than (!).

6. Các thể thơ

6.1 Thể thơ truyền thống

- Lục bát: Số tiếng: câu 6 tiếng và câu 8 tiếng, luân phiên liên tục.

- Song thất lục bát: Số tiếng: luân phiên hai cặp 7 tiếng và cặp 6 tiếng 8 tiếng (khổ 4 câu thơ.)

- Ngũ ngôn Đường luật: Số tiếng: câu 5 tiếng (8 dòng hoặc 4 dòng).

- Thể thất ngôn Đường luật: Thất ngôn tứ tuyệt: Số tiếng: 7 (4 dòng). Thất ngôn bát cú: Số tiếng: 7 (8 dòng).

6.2. Các thể thơ hiện đại

- Vừa tiếp nối luật thơ trong truyền thống vừa có sự cách tân: Thơ tự do, thơ 5 tiếng, 7 tiếng, 8 tiếng...nhiều khổ, không gò bó vần luật.

I.2. Các cấp độ kiến thức:

1/ **Nhận biết: (2 câu) Nhận diện** được một trong các vấn đề sau:

- Phong cách ngôn ngữ của ngữ liệu.

- Xác định được đề tài, cốt truyện, chi tiết, sự việc tiêu biểu.

- Nhận diện phương thức biểu đạt, ngôi kể, hệ thống nhân vật, biện pháp nghệ thuật,... của văn bản/đoạn trích.

HavaMATH

2/ Thông hiểu (1 câu)

- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp nghệ thuật,...
- Hiểu một số đặc điểm của truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong văn bản/đoạn trích

3/ Vận dụng thấp (1 câu)

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.
- Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.
- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

II/ LÀM VĂN

II.1/ Kiến thức chung:

1/ Kiến thức về viết đoạn văn, bài văn

2/ Các thao tác lập luận:

- Thao tác lập luận giải thích
- Thao tác lập luận phân tích
- Thao tác lập luận chứng minh
- Thao tác lập luận bình luận
- Thao tác lập luận bác bỏ
- Thao tác lập luận so sánh
- Biết xác định các thao tác lập luận chính và vận dụng kết hợp các thao tác lập luận thích hợp để viết đoạn văn nghị luận xã hội và bài văn nghị luận văn học.

II.2/ Nghị luận xã hội: Vận dụng kiểu bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí, hiện tượng đời sống, để viết đoạn văn khoảng 150 chữ về một vấn đề nào đó gợi ra từ yêu cầu của đề.

II.3/ Nghị luận văn học:

A. Xác định các cấp độ kiến thức:

- Xác định kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.
- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Nhớ được cốt truyện, nhân vật; xác định được chi tiết, sự việc tiêu biểu,...
- Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của truyện hiện đại: vấn đề số phận con người, cảm hứng anh hùng ca và cảm hứng thế sự, tình yêu quê hương đất nước; nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, bút pháp trần thuật mới mẻ.
- Lí giải một số đặc điểm cơ bản của truyện hiện đại Việt Nam được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.
 - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của truyện hiện đại Việt Nam.
 - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.
 - So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.
 - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục

→ Kết hợp kiến thức, kĩ năng của phần Làm văn với tác phẩm đọc văn để viết bài văn nghị luận về một trích đoạn, tác phẩm văn xuôi về: *Giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo của tác phẩm, đoạn trích văn xuôi. Về một hình tượng nhân vật trong tác phẩm văn xuôi. Về một tình huống*

HavaMATH

truyện, chi tiết nghệ thuật đặc sắc... trong tác phẩm văn xuôi.

B. Các tác phẩm cần ôn tập:

1. VỢ CHỒNG A PHỦ - TÔ HOÀI

1.1. Kiến thức cơ bản

Tác giả:

- Là nhà văn viết theo xu hướng hiện thực, sáng tác thiên về diễn tả sự thật của đời thường. Hấp dẫn người đọc bởi lối trần thuật hóm hỉnh, sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có, lời văn tinh tế, giản dị mà phong phú, giàu chất thơ.

- Có vốn hiểu biết phong phú và sâu sắc phong tục tập quán ở nhiều vùng khác nhau.

Tác phẩm

Hoàn cảnh sáng tác:

- Sáng tác 1952, in trong tập *Truyện Tây Bắc*, được tặng giải nhất - giải thưởng Hội văn nghệ Việt Nam.

- Miêu tả đời sống theo xu hướng hiện thực....

1.2. Các vấn đề trọng tâm:

Từ những đặc sắc nghệ thuật: Xây dựng nhân vật đặc sắc (A Phủ được miêu tả qua hành động; Mị chủ yếu khắc họa tâm tư); trần thuật linh hoạt, cách giới thiệu nhân vật bất ngờ, tự nhiên mà ấn tượng; kể chuyện ngắn gọn, dẫn dắt tình tiết khéo léo; Biệt tài miêu tả thiên nhiên phong tục tập quán của người dân miền núi; Ngôn ngữ sinh động, câu văn giàu tính tạo hình, thấm đẫm chất thơ..., để làm nổi bật:

1. *Giá trị hiện thực:* Miêu tả chân thực số phận cực khổ của người dân nghèo, phơi bày bản chất tàn bạo của giai cấp thống trị miền núi, tái hiện bức tranh thiên nhiên phong tục tập quán đầy màu sắc.

2. *Giá trị nhân đạo:* Thể hiện tình yêu thương, sự đồng cảm sâu sắc với thân phận đau khổ của người dân lao động miền núi trước cách mạng. Tố cáo lên án, phơi bày bản chất xấu xa, tàn bạo của giai cấp thống trị. Trân trọng và ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, sức sống mãnh liệt và khả năng cách mạng của nhân dân Tây Bắc.

3. *Hình tượng nhân vật Mị:*

3.1. Cuộc sống thống khổ, số phận tủi nhục bất hạnh...

3.2. Sức sống tiềm tàng và khát vọng hạnh phúc mãnh liệt trong đêm tình mùa xuân

3.3. Sức phản kháng mạnh mẽ trong đêm mùa đông khi cởi trói cho A Phủ.

4. *Hình tượng nhân vật A Phủ:*

4.1. Có số phận éo le...

4.2. Phẩm chất tốt đẹp: dũng cảm, yêu tự do, yêu lao động, có sức sống tiềm tàng mãnh liệt.

2. VỢ NHẬT- KIM LÂN

2.1. Kiến thức cơ bản

Tác giả:

- Xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, chỉ học hết tiểu học, phải vất vả kiếm sống từ nhỏ

- Nhà văn chuyên viết về truyện ngắn với đề tài nông thôn và người nông dân. Nhà văn viết bằng tình cảm thiết tha, gắn bó sâu nặng...

Tác phẩm:

Hoàn cảnh sáng tác:

- Sáng tác 1954, cốt truyện được xây dựng từ hoàn cảnh nạn đói ở nước ta năm 1945, dựa trên một phần cốt truyện cũ của tiểu thuyết *Xóm ngụ cư*

- Cái nhìn của Kim Lân: Trong hoàn cảnh túng đói, khốn khổ, cận kề cái chết nhưng người

HavaMATH

nông dân vượt lên cảnh ngộ để sống giàu lòng nhân ái, với niềm vui bình dị, niềm tin hy vọng ở cuộc sống.

2.2. Các vấn đề trọng tâm:

Từ những đặc sắc nghệ thuật: Xây dựng tình huống truyện độc đáo; cách kể chuyện tự nhiên hấp dẫn; dựng cảnh sinh động có nhiều chi tiết đặc sắc; nhân vật được khắc họa sinh động, đối thoại hấp dẫn, thể hiện tâm lí tinh tế; ngôn ngữ mộc mạc giản dị những chất lọc giàu sức gợi, để làm nổi bật:

1. **Tình huống truyện:** Tình huống éo le, độc đáo, mới lạ: bắt đầu từ sự kiện: một buổi chiều nọ Tràng dẫn theo một người đàn bà lạ cùng về

+ Tràng – dân ngụ cư, nghèo, xấu trai, giữa thời buổi đói khổ nuôi thân chẳng xong lại còn dám “đèo bông” - lấy vợ → khiến mọi người ngạc nhiên...

+ Không phải là Tràng cưới vợ mà là “nhặt vợ”...

+ Tình huống vừa bi thảm vừa thấm đẫm tình người.

+ Con người đói khổ đến mức cận kề cái chết vẫn khát khao hạnh phúc, mái ấm gia đình...

vậy.

+ Cái đói đã khiến con người phải từ bỏ lòng tự trọng... nhưng bản chất không phải như

+ Người vợ nhặt - rẻ rúng nhưng lại có ý nghĩa thiêng liêng với cuộc đời Tràng.

- **Ý nghĩa:**

+ Qua tình huống thấy được hoàn cảnh, số phận bi thảm của người nông dân trong nạn đói năm 1945.

+ Tình huống làm nổi bật tâm trạng, tư tưởng, tính cách của nhân vật.

+ Tình huống làm nổi bật chủ đề tác phẩm ...

2. **Giá trị hiện thực:**

Tái hiện chân thực nạn đói và số phận người nông dân trong nạn đói rẻ rúng, tội nghiệp... Tiếng nói lên án tố cáo thực dân phong kiến và chủ nghĩa phát xít đã bóc lột, áp bức đẩy người nông dân vào cuộc sống bần cùng.

3. **Giá trị nhân đạo:**

-Viết về số phận người nông dân trong nạn đói 1945 với sự cảm thông chia sẻ.

- Lên án tố cáo thực dân phong kiến và chủ nghĩa phát xít đã bóc lột, áp bức đẩy người nông dân vào cuộc sống bần cùng...

- Phát hiện ngợi ca vẻ đẹp trong tâm hồn các nhân vật: lối sống nhân ái...

- Hướng về sự đổi đời, ánh sáng niềm tin ở cuộc sống; ca ngợi lối sống nhân ái...

4. **Hình tượng nhân vật Tràng:**

4.1. Người lao động nghèo nhưng tốt bụng, nhân hậu...

4.2. Dù cận kề bên bờ vực cái chết vẫn khát khao hạnh phúc, hướng về ánh sáng, tin ở cuộc sống, hi vọng ở tương lai.

5. **Hình tượng người vợ nhặt:**

5.1. Nạn nhân của nạn đói, sống vất vưởng, số phận rẻ rúng.

5.2. Dù ngay trên bên bờ vực của cái chết vẫn hướng về sự sống, khát khao tổ ấm gia đình.

6. **Hình tượng bà cụ Tứ:**

6.1. Người mẹ nghèo khổ, rất mực thương con, rất bao dung và giàu lòng vị tha

6.2. Có lòng lạc quan, niềm tin vào tương lai hạnh phúc tươi sáng

3. RỪNG XÀ NU – NGUYỄN TRUNG THÀNH

3.1. Kiến thức cơ bản

Tác giả: Các bút danh: Nguyễn Trung Thành, Nguyên Ngọc.

- Nhà văn gắn bó với vùng đất Tây Nguyên trong cả hai cuộc kháng chiến: hiểu biết, yêu

HavaMATH

mền thiên nhiên và con người Tây Nguyên. Đó cũng là nguồn cảm hứng chủ đạo nuôi dưỡng các trang văn của Nguyễn Trung Thành.

- Sáng tác mang đậm tính sử thi và cảm hứng lãng mạn: Tập trung viết về hai cuộc kháng chiến, đề cập đến vấn đề trọng đại... xây dựng những nhân vật anh hùng....

Tác phẩm:

- Viết năm 1965: Cảm hứng được khơi phát từ vấn đề trọng đại của lịch sử: Mỹ ồ ạt đổ quân vào miền Nam, đánh phá ác liệt miền Bắc.

- Vấn đề đặt ra là con đường giải phóng dân tộc

- Truyện tái hiện không khí phong trào cách mạng ở miền Nam (1955 – 1960) với tinh thần nổi dậy đồng khởi.

- Ý nghĩa tư tưởng: Mang giá trị khái quát về chân lý lịch sử, về con đường giải phóng của nhân dân ta trong thời đại cách mạng.

*** Cốt truyện và xung đột:**

- Cốt truyện có hai câu chuyện lồng ghép vào nhau: Chuyện về cuộc đời Tnú là cốt lõi của câu chuyện về cuộc nổi dậy của làng Xô Man...

- Xung đột chính của truyện: Nhân dân cách mạng >< Kẻ thù Mỹ - Ngụy.

- Tác phẩm thể hiện tập trung phong cách: Sử thi lãng mạn của ngòi bút Nguyễn Ngọc – tiêu biểu cho khuynh hướng sử thi của Văn học giai đoạn 1945 – 1975.

3.2. Các vấn đề trọng tâm:

Từ những đặc sắc nghệ thuật: Xây dựng thành công nhân vật và hình tượng rừng xà nu mang màu sắc sử thi; nghệ thuật trần thuật; lời văn giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu..., để làm nổi bật:

1. Hình tượng rừng xà nu

* Cây xà nu trở thành một phần máu thịt trong đời sống tinh thần và vật chất của người dân Xô Man

* Cây xà nu tượng trưng cho phẩm chất và số phận của nhân dân Tây Nguyên trong chiến tranh cách mạng:

- Biểu tượng cho sức sống mãnh liệt, tinh thần kiên cường bất khuất...

- Biểu tượng cho niềm ham sống, khát khao tự do ánh sáng

- Biểu tượng cho sự bất diệt

→ Cây xà nu biểu tượng cây - người. Vừa mang vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên gắn bó với đời sống của con người có đường nét, màu sắc, mùi vị sống động vừa là biểu tượng trọn vẹn cho nỗi đau, sức sống và phẩm chất của con người Tây Nguyên, của cả miền Nam và dân tộc Việt Nam.

2. Hình tượng nhân vật Tnú:

2.1. Tnú là người gan góc, dũng cảm, mưu trí

2.2. Tnú là người có tính kỉ luật cao, tuyệt đối trung thành với CM.

2.3. Tnú có một trái tim yêu thương và sôi sục căm thù

2.4. Cuộc đời bi tráng và con đường đến với CM của Tnú điem hình cho con đường đến với CM của người dân Tây Nguyên, góp phần làm sáng tỏ chân lí của thời đại: phải dùng bạo lực CM để tiêu diệt bạo lực phản CM, đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự GP.

3. Tính sử thi:

- Đề tài, chủ đề(cốt truyện): Số phận và con đường giải phóng của dân làng Xô Man → tiêu biểu cho số phận và con đường chiến đấu để giải phóng của nhân dân miền Nam, của cả dân tộc → đề tài lịch sử cộng đồng...

- Hệ thống nhân vật:

+ Tập thể nhân vật anh hùng; nhân vật Tnú...

HavaMATH

+ Các thể hệ tiếp nối...

→ Kết tinh vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, truyền thống kiên cường bất khuất của nhân dân miền Nam - của dân tộc.

- Xung đột: Nhân dân >< Mỹ Ngụy → xung đột lớn của dân tộc, thời đại.
- Hình tượng rừng xà nu: biểu tượng cây - người....
- Nghệ thuật trần thuật tạo nên không gian sử thi và giọng điệu ngợi ca hào hùng.

4. CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA - NGUYỄN MINH CHÂU

4.1 Kiến thức cơ bản

Tác giả:

- Là nhà văn quân đội, từng viết và chiến đấu tại nhiều chiến trường.
- Sự nghiệp sáng tác: 2 giai đoạn:
 - + Trước 1975: Là cây bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn
 - + Sau 1975 (từ đầu 1980): Chuyển sang cảm hứng thể sự với những vấn đề đạo đức và triết lý nhân sinh. là cây bút tiên phong trong phong trào đổi mới văn học

Tác phẩm:

- Sáng tác năm 1983 – in lần đầu trong tập “Bến quê” - xuất bản 1985. Sau đó vào năm 2001 in trong NMC toàn tập.
- Tác phẩm tiêu biểu cho xu hướng chung của văn học VN thời kì đổi mới: hướng nội, khai thác sâu sắc số phận cá nhân và thân phận con người trong cuộc sống đời thường. In đậm phong cách tự sự - triết lí của NMC.

4.2. Các vấn đề trọng tâm:

Từ những đặc sắc nghệ thuật: Xây dựng tình huống truyện độc đáo, điểm nhìn nghệ thuật đa chiều, ngôn ngữ nhân vật sinh động, lời văn giản dị mà sâu sắc, dư ba..., để làm nổi bật:

1. Ý nghĩa nhan đề:

- Nhìn từ xa trong bức ảnh chụp: mang vẻ đẹp đơn giản mà toàn bích...con thuyền nghệ thuật.

→ Biểu tượng cho sự toàn mỹ.

- Nhìn gần- chiếc thuyền có thật trong cuộc đời – không gian sống của gia đình dân chài với nhiều nghịch lý oái ăm...

→ Biểu tượng cho đời sống vốn đa dạng phức tạp.

- Con thuyền ở xa nên nó cô đơn, đó là sự đơn độc của con thuyền nghệ thuật trên đại dương cuộc sống, sự đơn độc của con người trong cuộc đời

→ Nhan đề: ẩn dụ về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống. Cách tiếp cận của nghệ thuật và người nghệ sĩ chân chính phải luôn gắn với cuộc đời vì cuộc đời, có nhìn toàn diện.

2. Ý nghĩa của TP: Thể hiện những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về nghệ thuật và cuộc đời: nghệ thuật chân chính phải luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời; người nghệ sĩ cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách toàn diện, sâu sắc.

3. Tình huống truyện: Tình huống khám phá và nhận thức

3.1. Hai khám phá, phát hiện và Sự biến đổi nhận thức của nghệ sĩ Phùng:

- Bức tranh thiên nhiên của vùng biển lúc bình minh... → Mang vẻ đẹp toàn mỹ, biểu tượng cho nghệ thuật

- Bức tranh cuộc sống với cảnh tượng phi thẩm mỹ từ một gia đình hàng chài... → là những nghịch lý trái ngang, phi đạo đức phi thẩm mỹ.

3.2. Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở toà án huyện và sự thay đổi trong nhận thức của Chánh án Đẩu và nghệ sĩ Phùng:

- Câu chuyện sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời của người đàn bà hàng chài.

→ Qua những phát hiện của nghệ sĩ Phùng và câu chuyện của người đàn bà, nhà văn muốn

HavaMATH

nói: cuộc đời chứa đựng nhiều nghịch lí, mâu thuẫn; không thể nhìn cuộc đời và con người một cách đơn giản, phiến diện; phải đi sâu tìm hiểu phát hiện bản chất bên trong, đánh giá sự việc, hiện tượng trong các mối quan hệ đa diện nhiều chiều.

4. Hình tượng người đàn bà hàng chài.

- **Hiện thân của sự nghèo khổ**, lam lũ nhọc nhằn (Qua ngoại hình thô kệch, khuôn mặt mệt mỏi, dáng đi, tấm lưng áo bạc phéch rách rưới)

- **Người vợ cam chịu, nhẫn nhục, giàu lòng vị tha, bao dung độ lượng.**

+ Thấu hiểu được nguyên nhân hành động vũ phu của chồng, âm thầm chịu đựng sự đánh đập hành hạ, nhìn nhận chồng mình với thái độ cảm thông, chia sẻ ...

+ Chấp nhận đau khổ, coi đau khổ là lẽ đương nhiên vì mặc cảm bản thân mình xấu xí, để nhiều...

- **Người mẹ thương con giàu đ c hi sinh, có lòng tự trọng:**

+ Luôn lo nghĩ cho con, hi sinh vì con, tránh làm tổn thương tâm hồn của những đứa con còn non nớt (xin chồng lên bờ đánh ...).

+ Đau đớn xấu hổ nhục nhã khi chứng kiến cảnh con trai mình đánh lại bố, và trước mặt của người lạ.

- **Người phụ nữ thấu hiểu lẽ đời, có quan niệm hạnh phúc bình dị:**

+ Hiểu vai trò trụ cột của người đàn ông dân chài trên thuyền.

+ Với chị gia đình hạnh phúc là gia đình có đầy đủ các thành viên, các con chị được ăn no. ...đó là những lí do không bỏ chồng.

➔Khái quát: Đặt nhân vật trong nhiều mối quan hệ, trong tình huống nghiệt ngã của cuộc sống, tác giả xây dựng người phụ nữ có ngoại hình xấu xí thô kệch nhưng tâm hồn đẹp đẽ, mang bóng dáng của người phụ nữ VN nhân hậu bao dung. Biểu tượng của tình mẫu tử. Nhân vật thể hiện tình yêu tha thiết của tác giả đối với những cảnh đời bất hạnh và những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về lẽ đời.

5. Ý nghĩa của tấm ảnh được chọn trong “bộ lịch năm ấy”.

- Mỗi lần nhìn kĩ vào bức ảnh đen trắng, người nghệ sĩ thấy “hiện lên...sương mai.”(đây là chất thơ, vẻ đẹp lãng mạn của cuộc đời, cũng là biểu tượng của nghệ thuật).

- Nếu nhìn lâu hơn “bao giờ anh cũng thấy người đàn bà...”(hiện thân của những lam lũ, khốn khó, là sự thật cuộc đời).

- Ý nghĩa: nghệ thuật chân chính không thể tách rời, thoát ly cuộc sống. Nghệ thuật chính là cuộc đời và phải vì cuộc đời.

5. NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH

5.1 Tác giả:

- Sinh ra ở Bắc bộ nhưng gắn bó với nhân dân Nam Bộ và viết về họ với tình cảm thủy chung, ân nghĩa (là nhà văn của người nông dân Nam Bộ)

- Nhân vật tiêu biểu trong tác phẩm của ông là những người dân có bản chất bộc trực, hồn nhiên, trung hậu, có lòng căm thù giặc sâu sắc, gan góc sẵn sàng hi sinh vì quê hương vì độc lập tự do của Tổ quốc.

- Cây bút có năng lực phân tích tâm lý nhân vật sắc sảo, có khả năng thâm nhập vào đời sống nội tâm của nhân vật, phân tích và diễn tả chính xác qua trình diễn biến tâm lý của con người .

- Văn Nguyễn Thi vừa giàu chất trữ tình vừa đầy chất sống hiện thực. Ngôn ngữ phong phú, góc cạnh giàu giá trị tạo hình, đậm chất Nam Bộ.

5.2. Tác phẩm:

- Sáng tác năm 1966 - miền Nam đấu tranh chống Mỹ Ngụy (trong cuộc đấu tranh ác liệt ấy, tình cảm gia đình, tình yêu nước, sự gắn bó giữa truyền thống gia đình với truyền thống dân tộc là sức mạnh tinh thần to lớn có ý nghĩa đối với sự sống còn của con người và dân tộc)

HavaMATH

Các vấn đề trọng tâm:

Từ những đặc sắc nghệ thuật: Nghệ thuật trần thuật, xây dựng tính cách và miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ phong phú đậm chất hiện thực và màu sắc Nam Bộ..., để làm nổi bật:

a. Nghệ thuật kể chuyện:

- Trần thuật chủ yếu qua dòng nội tâm của nhân vật Việt khi bị thương nằm ở chiến trường (khi liền mạch- lúc tỉnh; khi gián đoạn – lúc ngất)→ theo ngôi thứ 3 của người kể chuyện tự giấu mình, điểm nhìn và lời kể theo giọng điệu của nhân vật (Lời nửa trực tiếp)

- Tác dụng:

+ Kết cấu truyện linh hoạt: có thể thay đổi đối tượng, không gian, thời gian, đan xen tự sự và trữ tình.

+ Khắc họa tính cách nhân vật rõ nét.

b. Ý nghĩa của TP :

Tầm khái quát hiện thực của tác phẩm:

- Chủ đề tác phẩm: Kể về những người con trong một gia đình nông dân Nam Bộ của truyền thống yêu nước, căm thù giặc. Một gia đình tập trung những nét tiêu biểu nhất của số phận và phẩm chất nhân dân Nam Bộ thời chiến tranh chống đế quốc Mỹ.

- Truyền thống cách mạng sâu sắc, lòng căm thù giặc, tinh thần chiến đấu kiên cường anh dũng của nhân dân Nam Bộ. Chính là sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

→ Tầm khái quát hiện thực rộng lớn sâu sắc, mang đậm tính chất sử thi.

c. Vẻ đẹp của những đứa con trong gia đình (Chiến và Việt):

3.1. Điểm chung của hai chị em Chiến và Việt:

Hai chị em là hai “khúc sông” trong “dòng sông truyền thống” của gia đình. Là sự tiếp nối thế hệ của chú Năm và má, song lại mang dấu ấn riêng của thế hệ trẻ miền Nam thời kì chống Mỹ. Đều yêu thương ba má, căm thù giặc, quyết tâm giết giặc để trả thù, dũng cảm kiên cường. (chị chứng chạc, đảm đang... em vô tư ngây thơ)

3.2 Điểm nổi bật ở mỗi nhân vật:

- Nhân vật Chiến:

+ Qua cách nhìn của Việt: “*chị Chiến in như má vậy*”

+ Thay ba má lo lắng chăm sóc cho em, chu tất mọi việc trong gia đình.

+ Tranh nhau với em để được tòng quân trả thù cho ba má.

+ Ra đi với lời thề “*Đã làm thân con gái ra đi thì chỉ có một câu: Nếu giặc còn thì tao mất*”.

+ Trước lúc ra đi, làm cơm cúng má, cùng Việt khiêng bàn thờ ba má sang gửi cho chú Năm.

→ Vừa là cô gái mới lớn tính khí còn trẻ con, vừa là người chị biết nhường em, lo toan đảm đang, tháo vát, yêu thương ba má, căm thù giặc. Có đức tính gan góc, dũng cảm, rắn rỏi, kiên nghị - Sự kế thừa những đức tính tốt đẹp của người mẹ - Vẻ đẹp của người phụ nữ Nam Bộ.

- Nhân vật Việt:

+ Hay tranh giành phần hơn với chị, thích đi câu cá, bắn chim...

+ Đêm trước ngày lên đường, chị Chiến lo toan thu xếp việc nhà còn Việt “*lăn kên ra ván cười, vừa nghe chị nói vừa chụp đom đóm rồi ngủ quên lúc nào không biết*”.

+ Năng nặc đòi đi tòng quân để trả thù dù chưa đủ tuổi, khi xông trận sôi nổi tinh thần chiến đấu, quyết lập được nhiều chiến công để trả thù cho ba má và đã dũng cảm chiến đấu tiêu diệt được một xe bọc thép.

+ Khi bị trọng thương, một mình nằm lại giữa chiến trường, toàn thân đau điếng nhưng Việt vẫn ở trong tư thế chờ tiêu diệt giặc...

+ Thương chị bằng cách riêng của Việt “*Nghe tiếng chân chị... ở trên vai*”

→ Vừa có tính vô tư, ngây thơ, hiếu động của một cậu con trai mới lớn, vừa đường hoàng, chừng



chạc trong tư thế của người chiến sĩ dũng cảm, kiên cường, có tính cách anh hùng, có tình yêu gia đình sâu đậm. Trong anh có dòng máu của những con người gan góc, sẵn sàng hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

B CẤU TRÚC ĐỀ RA:

I/ Đọc-hiểu (3,0 điểm):

(Phân dẫn)

Câu 1,2 (1,5 đ)

Nhận diện được một trong các vấn đề sau:

- Phong cách ngôn ngữ của ngữ liệu.
- Xác định được đề tài, cốt truyện, chi tiết, sự việc tiêu biểu.
- Nhận diện phương thức biểu đạt, ngôi kể, hệ thống nhân vật, biện pháp nghệ thuật,... của văn bản/đoạn trích.

Câu 3 (1,0 đ)

- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp nghệ thuật,...
- Hiểu một số đặc điểm của truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong văn bản/đoạn trích

Câu 4 (0,5 đ)

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.
- Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.
- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

II/ Làm văn:

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận xã hội, theo đề ra

Câu 2 (5,0 điểm): Viết bài văn nghị luận văn học: Nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

----- Hết -----